

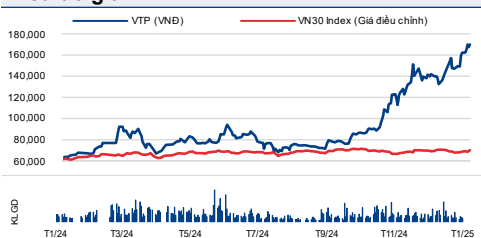
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ150,500
Tiềm năng tăng/giảm: -11.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	170,000
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	63,189-170,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	167,040
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	20,703
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	826
Slg CP lưu hành (tr.đv)	122
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	59.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	50.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.37%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	19,588	18,095	20,384
EBITDA đc (tỷ đồng)	491	582	865
LNTT (tỷ đồng)	478	484	605
LNT ĐC (tỷ đồng)	228	292	365
FCF (tỷ đồng)	(197)	(180)	(476)
EPS ĐC (đồng)	1,876	2,398	2,998
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	12,984	13,882	15,381
T.trưởng EBITDA (%)	36.5	18.5	48.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	48.0	1.17	25.0
Tăng trưởng DPS (%)	30.4	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.51	3.21	4.24
Tỷ suất LNTT (%)	2.44	2.68	2.97
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.94	2.12	2.36
Tỷ lệ LN trả CT (%)	48.1	47.5	38.0
Nợ thuần/VCSH (%)	51.9	67.5	99.1
ROAE (%)	25.6	23.5	27.0
ROACE (%)	26.8	25.2	27.7
EV/doanh thu (lần)	1.10	1.21	1.11
EV/EBITDA ĐC (lần)	43.8	37.5	26.1
P/E ĐC (lần)	90.6	70.9	56.7
P/B (lần)	13.1	12.2	11.1
Lợi suất cổ tức (%)	0.88	0.88	0.88

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Việt Nam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: KQKD tích cực, sát với dự báo

- KQKD Q4/2024 của VTP tích cực và sát với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 130 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ và tăng 22% so với quý trước, trên doanh thu cốt lõi (chuyển phát/logistic) 2,8 nghìn tỷ đồng (tăng 35% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần năm 2024 đi ngang ở mức 383 tỷ đồng (EBITDA tăng trưởng 17% đạt 582 tỷ đồng) trên doanh thu HĐKD cốt lõi 9.814 tỷ đồng (tăng trưởng 42%).
- Cho năm 2025, BLĐ đặt mục tiêu doanh thu HĐKD cốt lõi 13,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 38%) và LNTT 532 tỷ đồng (tăng trưởng 10%), lần lượt bằng 97% và 88% dự báo doanh thu và LNTT của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 20% trong 3 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 27,8 lần, cao hơn 2,6 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 15,7 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

Lợi nhuận thuần Q4/2024 của VTP đạt 130 tỷ đồng (tăng mạnh 25% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước), trên doanh thu HĐKD cốt lõi 2.794 tỷ đồng (tăng 35% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước). EBITDA trong quý tăng mạnh 47% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước đạt 199 tỷ đồng.

Trong năm 2024, lợi nhuận thuần (đi ngang ở mức 383 tỷ đồng) và EBITDA (tăng trưởng 17% đạt 582 tỷ đồng), đều hoàn thành 100% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi, trong khi doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi (tăng trưởng 42% đạt 9.814 tỷ đồng), cao hơn 3% so với dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, VTP

Lợi nhuận thuần Q4/2024 tăng mạnh 25% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước lên 130 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	5,107	5,707	11.8%	5.1%	19,588	20,756	6.0%	114.7%
Doanh thu cốt lõi	2,059	2,784	35.2%	8.2%	6,930	9,814	41.6%	103.0%
Lợi nhuận gộp	240	344	43.4%	23.7%	882	1,013	15.0%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	21	3	-87.3%	-40.6%	70	31	-55.6%	
Chi phí BH&QL	(129)	(180)	39.7%	21.0%	465	561	20.8%	
LNTT	132	167	26.6%	24.5%	487	483	-0.8%	
Lợi nhuận thuần	104	130	25.0%	21.9%	383	383	0.0%	99.6%
Khấu hao	(24)	(35)	45.9%	-8.9%	(82)	(131)	59.0%	
EBITDA	135	199	47.4%	18.7%	499	583	16.8%	100.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4.7%	6.0%			4.5%	4.9%		
Chi phí BH&QL /Doanh thu	-2.5%	-3.2%			2.4%	2.7%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.0%	2.3%			2.0%	1.8%		
Tỷ suất EBITDA	2.6%	3.5%			2.5%	2.8%		

Nguồn: VTP, HSC

Doanh thu thuần tăng 12% so với cùng kỳ, nhờ doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi

Doanh thu thuần Q4/2024 tăng 12% so với cùng kỳ đạt 5.707 tỷ đồng, nhờ doanh thu dịch vụ tăng 26% so với cùng kỳ lên 3.783 tỷ đồng (đóng góp 66% vào tổng doanh thu), bù trừ cho mức giảm 9% so với cùng kỳ xuống 1.924 tỷ đồng của doanh thu mảng thương mại (đóng góp 34% vào tổng doanh thu). HSC lưu ý rằng VTP đang tập trung nhiều hơn vào mảng dịch vụ và giảm bớt sự tập trung vào mảng thương mại (kinh doanh các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp như SIM & văn phòng phẩm).

Mức tăng 26% so với cùng kỳ của doanh thu dịch vụ được thúc đẩy bởi mức tăng 35% của doanh thu mảng chuyển phát và logistic cốt lõi, trong khi doanh thu thuê ngoài – doanh thu mà VTP nhận được từ công ty mẹ Viettel để vận hành mạng lưới cửa hàng của Viettel – tăng 6% so với cùng kỳ đạt 999 tỷ đồng.

Đáng lưu ý, tổng doanh thu ngành chuyển phát của Việt Nam trong Q4/2024 tăng 26% so với cùng kỳ đạt 20,2 nghìn tỷ đồng. Do đó, thị phần của VTP cải thiện 1 điểm phần trăm lên 13,8% trong quý, tăng từ mức 12,8% trong Q4/2023.

Trong năm 2024, doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi của VTP tăng trưởng mạnh 42% lên 9,8 nghìn tỷ đồng, cao hơn so với mức tăng trưởng 21% của toàn ngành trong cùng giai đoạn. Theo đó, thị phần của VTP trong năm đạt 13,8%, tăng từ mức 11,8% trong năm 2023.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện ở cả hai mảng kinh doanh

Trong Q4/2024, tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ và mảng thương mại cải thiện lần lượt 0,8 điểm phần trăm và 0,6 điểm phần trăm, cũng như mức đóng góp cao hơn của mảng dịch vụ vào tổng doanh thu (lên đến 66% trong Q4/2024, từ 59% trong Q4/2023).

Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng dịch vụ cải thiện là nhờ (1) mức đóng góp cao hơn của doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi (tăng lên 74% trong Q4/2024 từ 68% trong Q4/2023) và (2) tỷ suất lợi nhuận gộp của doanh thu HKKD cốt lõi cải thiện, nhờ sản lượng hàng hóa tăng, giúp VTP tận dụng tốt hơn nguồn lực (nhân viên giao hàng, đội xe chuyển phát, trung tâm phân loại, kho bãi), dẫn đến mức hiệu quả chi phí cao hơn.

KHKD năm 2025: LNTT tăng trưởng 10%

Cho năm 2025, BLĐ đặt mục tiêu doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi ở mức 13,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 38%) và LNTT ở mức 532 tỷ đồng (tăng trưởng 10%), so với dự báo của HSC lần lượt ở mức 14 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 42%) và 605 tỷ đồng (tăng trưởng 25%). Theo đó, kế hoạch doanh thu HKKD cốt lõi và LNTT của năm 2025 của VTP lần lượt bằng 97% và 88% dự báo của HSC.

BLĐ kỳ vọng công viên logistic Lạng Sơn mới đưa vào hoạt động sẽ tạo ra doanh thu khoảng 700-1.000 tỷ đồng trong năm 2025, nhưng chưa tạo ra lợi nhuận (so với dự báo của chúng tôi là 1,1 nghìn tỷ đồng doanh thu và 16 tỷ đồng lợi nhuận thuần). Lưu ý, giai đoạn đầu của công viên logistic Lạng Sơn chính thức đi vào hoạt động vào ngày 11/12/2024, đóng vai trò là trung tâm logistics xuất nhập khẩu toàn trình phục vụ cho các hoạt động thương mại xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Được xây dựng trên diện tích đất 143,7 ha với vị trí chiến lược gần Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, dự án này là trung tâm logistic hiện đại nhất cả nước.

Chúng tôi lưu ý có sự thay đổi gần đây liên quan đến vị trí tổng giám đốc do việc luân chuyển nhân sự nội bộ của Viettel. Theo đó, ông Hoàng Trung Thành, giữ chức vụ tổng giám đốc VTP từ tháng 5/2022, đã được điều chuyển sang làm tổng giám đốc của Viettel Telecom (chưa niêm yết), trong khi ông Phùng Văn Cường, cựu tổng giám đốc của Viettel Global (VGI; chưa khuyến nghị) trở

thành tổng giám đốc của VTP. Có thể sẽ mất một khoảng thời gian để CEO mới ổn định vị trí. Tiến độ đầu tư của công viên logistic Lạng Sơn sẽ chậm lại phần nào. Do đó, Công ty đặt KHKD năm 2025 khá thận trọng.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu tăng 20% trong 1 tháng qua. Ở thị giá hiện tại, VTP đang giao dịch với EV/EBITDAđ.c trượt dự phóng 1 năm là 27,8 lần, cao hơn 2,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2019 ở mức 15,7 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, VTP

Trong Q4/2024, doanh thu mảng dịch vụ tăng 26% so với cùng kỳ (đóng góp 66% tổng doanh thu) trong khi doanh thu mảng thương mại giảm 9% so với cùng kỳ (đóng góp 34% vào tổng doanh thu)

Tỷ trọng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	5,107	5,430	5,707	11.8%	5.1%	19,588	20,756	6.0%
Dịch vụ	3,006	3,373	3,783	25.9%	12.2%	10,144	12,842	26.6%
Thương mại	2,102	2,057	1,924	-8.5%	-6.5%	9,444	7,915	-16.2%
Tỷ trọng	100.0%	100.0%	100.0%			100.0%	100.0%	
Dịch vụ	58.8%	62.1%	66.3%			51.8%	61.9%	
Thương mại	41.2%	37.9%	33.7%			48.2%	38.1%	

Source: VTP

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, VTP

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 tăng 1,3 điểm phần trăm, nhờ cả 2 mảng kinh doanh cải thiện, và đóng góp của mảng dịch vụ vào tổng doanh thu tăng lên

	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ (điểm phần trăm)	So với quý trước (điểm phần trăm)	2023	2024	Tăng trưởng (điểm phần trăm)
Tổng cộng	4.7%	5.1%	6.0%	1.3	0.9	4.5%	4.9%	0.4
Dịch vụ	7.9%	8.1%	8.7%	0.8	0.6	8.4%	7.7%	-0.7
Thương mại	0.2%	0.3%	0.8%	0.6	0.6	0.3%	0.3%	0.0

Source: VTP, HSC Research

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	21,629	19,588	18,095	20,384	23,903
Lợi nhuận gộp	646	881	878	1,094	1,416
Chi phí BH&QL	(376)	(469)	(434)	(473)	(552)
Thu nhập khác	8.54	3.63	7.24	7.72	8.83
Chi phí khác	(2.39)	(7.49)	(1.81)	(1.93)	(2.21)
EBIT	276	408	449	627	871
Lãi vay thuần	47.7	70.3	35.4	(21.6)	(50.3)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	323	478	484	605	820
Chi phí thuế TNDN	(66.8)	(98.3)	(100.0)	(125)	(169)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	257	380	384	480	651
Lợi nhuận thuần ĐC	222	228	292	365	495
EBITDA ĐC	360	491	582	865	1,275
EPS (đồng)	2,107	3,119	3,156	3,945	5,345
EPS ĐC (đồng)	1,826	1,876	2,398	2,998	4,062
DPS (đồng)	1,150	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	113	122	122	122	122
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	113	122	122	122	122
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	113	122	122	122	122

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	460	895	541	381	29.1
Đầu tư ngắn hạn	1,856	1,698	1,448	1,019	1,195
Phải thu khách hàng	2,374	2,245	1,990	2,038	2,271
Hàng tồn kho	342	398	362	408	478
Các tài sản ngắn hạn khác	208	260	181	204	239
Tổng tài sản ngắn hạn	5,240	5,496	4,522	4,050	4,212
TSCĐ hữu hình	232	337	1,204	2,704	3,751
TSCĐ vô hình	36.5	35.9	35.2	34.5	33.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	9.76	83.2	76.8	86.5	101
Đầu tư vào Cty LD,LK	150	74.0	74.0	74.0	74.0
Tài sản dài hạn khác	141	408	373	420	492
Tổng tài sản dài hạn	569	938	1,763	3,319	4,453
Tổng cộng tài sản	5,808	6,434	6,285	7,369	8,665
Nợ ngắn hạn	1,297	1,671	1,448	1,529	1,673
Phải trả người bán	362	485	448	504	591
Nợ ngắn hạn khác	2,658	2,522	2,333	2,622	3,067
Tổng nợ ngắn hạn	4,405	4,800	4,351	4,778	5,455
Nợ dài hạn	0	40.8	231	705	1,009
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	12.2	12.6	11.6	13.1	15.4
Tổng nợ dài hạn	12.2	53.4	243	718	1,025
Tổng nợ phải trả	4,417	4,853	4,594	5,496	6,480
Vốn chủ sở hữu	1,392	1,581	1,691	1,873	2,185
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,392	1,581	1,691	1,873	2,185
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,808	6,434	6,285	7,369	8,665
BVPS (đ)	12,291	12,984	13,882	15,381	17,943
Nợ thuần*/(tiền mặt)	837	817	1,138	1,853	2,654

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	276	408	449	627	871
Khấu hao	(84.0)	(83.0)	(133)	(238)	(405)
Lãi vay thuần	47.7	70.3	35.4	(21.6)	(50.3)
Thuế TNDN đã nộp	(80.8)	(62.7)	(100.0)	(125)	(169)
Thay đổi vốn lưu động	(31.9)	(177)	254	(37.1)	(216)
Khác	(42.5)	(77.7)	141	695	234
LCT thuần từ HKKD	90.6	177	820	1,261	918
Đầu tư TS dài hạn	(28.6)	(374)	(999)	(1,737)	(1,451)
Góp vốn & đầu tư	(230)	(601)	0	0	0
Thanh lý	160	827	0	0	0
Khác	101	120	41.5	(56.9)	(87.4)
LCT thuần từ HĐĐT	55.2	(27.8)	(958)	(1,794)	(1,538)
Cổ tức trả cho CSH	(155)	0	(183)	(183)	(183)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	130	33,062	(32.4)	555	449
Khác	2.30	(32,777)	(0.96)	1.47	2.26
LCT thuần từ HĐTC	(22.7)	285	(216)	373	269
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	123	435	(354)	(160)	(352)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.51)	0.76	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	123	435	(354)	(160)	(352)
Dòng tiền tự do	62.0	(197)	(180)	(476)	(533)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	2.98	4.50	4.85	5.37	5.92
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.66	2.51	3.21	4.24	5.34
Tỷ suất LNT (%)	1.19	1.94	2.12	2.36	2.72
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.6	20.6	20.6	20.6	20.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	0.82	(9.44)	(7.62)	12.6	17.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(12.9)	36.5	18.5	48.7	47.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(12.7)	2.72	27.9	25.0	35.5
Tăng trưởng EPS (%)	(13.3)	48.0	1.17	25.0	35.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(12.7)	2.72	27.9	25.0	35.5
Tăng trưởng DPS (%)	(23.3)	30.4	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	54.6	48.1	47.5	38.0	28.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.9	25.6	23.5	27.0	32.1
ROACE (%)	20.2	26.8	25.2	27.7	30.0
Vòng quay tài sản (lần)	3.85	3.20	2.85	2.99	2.98
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.33	0.43	1.83	2.01	1.05
Số ngày tồn kho	5.94	7.76	7.67	7.71	7.76
Số ngày phải thu	41.3	43.8	42.2	38.6	36.9
Số ngày phải trả	6.30	9.46	9.49	9.54	9.60
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	60.4	51.9	67.5	99.1	122
Nợ/tài sản (%)	22.4	26.7	26.8	30.4	31.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	29.0	17.3
Nợ/EBITDA (lần)	3.61	3.49	2.89	2.59	2.11
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.19	1.15	1.04	0.85	0.77
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.93	1.10	1.21	1.11	0.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	55.8	43.8	37.5	26.1	18.3
P/E (lần)	80.7	54.5	53.9	43.1	31.8
P/E ĐC (lần)	93.1	90.6	70.9	56.7	41.8
P/B (lần)	13.8	13.1	12.2	11.1	9.47
Lợi suất cổ tức (%)	0.68	0.88	0.88	0.88	0.88

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn